

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2018.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1982;

HKTT: ấp A, xã AT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp 2, xã M, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Đặng Trường V**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Đặng Trường V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh V thường xuyên nhậu nhẹt, chời bời, đánh đập chị, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V không nghe và chị đã sống ly thân với anh V từ năm 2017 đến nay. Nay do tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc T, sinh ngày 02/02/2003 và Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/11/2011; hiện 02 con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Trường V trình bày: Anh thừa nhận về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày là đúng. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị D, vẫn còn thương vợ, thương con, nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc T, sinh ngày 02/02/2003 và Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/11/2011; hiện 02 con chung đang sống chung với chị D. Nếu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh thì anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị D (photo);
 - 02 giấy khai sinh bản sao Đặng Thị Ngọc T và Đặng Thị Ngọc T1 (bản sao);
 - Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc D về việc yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Trường V, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng

dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M, huyện C1, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Về hôn nhân, chị D và anh V đều thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị D và anh V là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh V thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, đánh đập chị D, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình. Chị D đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V không nghe và chị D và anh V đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh V là có căn cứ, bởi lẽ: Tại phiên tòa, anh V thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay như chị D trình bày là đúng. Anh V cũng thừa nhận anh thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, không lo làm ăn cũng như không quan tâm đến gia đình. Tuy nhiên, anh V cho rằng hiện nay anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với chị D nhưng anh V không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và chị D cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh V. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị D và anh V thừa nhận có 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc T, sinh ngày 02/02/2003 và Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/11/2011; hiện 02 con chung đang sống chung với chị D. Nay ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh V cũng xác định nếu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh V thì anh V cũng đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, căn cứ vào bản tự khai của cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng được sống với chị D. Do đó, chị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Đặng Thị Ngọc T, sinh ngày 02/02/2003 và Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/11/2011. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh V thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ

vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai số 04067 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc D.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc D được ly hôn với anh Đặng Trường V.

- Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc D được tiếp nuôi dưỡng 02 chung tên Đặng Thị Ngọc T, sinh ngày 02/02/2003 và Đặng Thị Ngọc T1, sinh ngày 04/11/2011. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu.

Anh Đặng Trường V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo Biên lai số 04067 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã AT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh